TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Trị, ngày 23 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 180/2026/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: ông Trần B, sinh năm 1987; CCCD số: 045087004519; địa chỉ: thôn M, xã N, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn: bà Trần Thị L, sinh năm: 1986; CCCD số: 045186005252; địa chỉ: thôn M, xã N, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần B và bà Trần Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần B và bà Trần Thị L thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: bà Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần P, sinh ngày 02/6/2009; cháu Trần Đ, sinh ngày 09/9/2011; cháu Trần Thị Ái P1, sinh ngày 10/7/2014. Ông Trần B cấp dưỡng nuôi cháu Trần Đ mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); cháu Trần Thị Ái P1 mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), kể từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu Đ và cháu Phương thành N và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền mà người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: ông Trần B thoả thuận chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002693 ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Ông Trần B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 6 – Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Nam Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị;
- Công an xã Nam Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; HC- TP.

THẨM PHÁN

Võ Bùi Diệu Lương